

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

Bản án số 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19/7/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Tố Trinh

2. Bà Nguyễn Thị Lý

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Giang– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXX- ST ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, Gia Lai (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua quá trình tìm hiểu, chị và anh Ch lấy nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ayun Pa, huyện Ayun Pa, tỉnh Gia Lai (nay là phường Đoàn Kết, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai) vào ngày 24/12/1998. Sau khoảng thời gian chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài, vợ chồng lo làm ăn chăm lo hạnh phúc gia đình và con cái. Sau đó, vợ chồng chị thường phát sinh mâu thuẫn với lý do là anh Ch thường xuyên

uống rượu về quậy phá vợ con, không tu chí làm ăn. Bản thân chị cũng cố gắng chịu đựng, khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Ch không chịu thay đổi làm cho cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Vào năm 2014, chị cũng đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch nhưng lúc đó suy nghĩ về con còn nhỏ và muốn cho anh Ch tự thay đổi bản thân nên chị đã rút đơn khởi kiện. Và từ thời gian đó đến nay, anh Ch tính nào tật ấy không chịu thay đổi. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Ch trước pháp luật.

Về con: Chị và anh Ch có 02 con chung là cháu Trần Thị Ánh T, sinh ngày 28/7/1999 và cháu Trần Văn M, sinh ngày 28/02/2008, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom và giáo dục cháu M và tôi không yêu cầu anh Ch phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; còn về cháu T đã trưởng thành có thể tự lập được cuộc sống của mình nên chị không đề cập tới nữa.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: chị Thu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Trần Văn Chương trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1998, anh và chị Th lấy nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có tổ chức đám cưới như chị Th trình bày là đúng sự thật. Cuộc sống hạnh phúc được thời gian đầu, anh biết mình có nhiều sai lầm như thường xuyên uống rượu về chửi bới vợ con và làm những hành vi không tốt. Nhưng hiện nay, tình cảm của tôi dành cho chị Th vẫn còn, vì vậy anh không đồng ý ly hôn với chị Th và mong chị Th xem xét lại tình cảm của anh và quay về chung sống như trước đây.

Về con: anh và chị Th có 02 con chung là cháu Trần Thị Ánh T, sinh ngày 28/7/1999 và cháu Trần Văn M, sinh ngày 28/02/2008, anh không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu gì về con chung và cũng không có ý kiến gì khác ngoài việc muốn quay về sống đoàn tụ.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án;

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng Điều 28, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 9, 51, 53, 54, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn Ch trước pháp luật.

- *Về con:* Giao con Trần Văn M, sinh ngày 28/02/2008 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con; còn cháu T đã trưởng thành có thể tự lập được cuộc sống của mình nên không đề cập đến nữa..

-*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

-*Về án phí :* Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết : 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Còn bị đơn anh Trần Văn Ch mặc dù Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Ch vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn Ch đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ayun Pa, huyện Ayun Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 24/12/1998, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khoảng thời gian chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài, vợ chồng lo làm ăn chăm lo hạnh phúc gia đình và con cái. Sau đó, cuộc sống vợ chồng chị Th và anh Ch thường phát sinh mâu thuẫn với lý do, anh Ch thường xuyên uống rượu chửi bới vợ con, không tu chí làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình. Chị Th nhiều lần đã nhờ chính quyền tại địa phương hòa giải những mâu thuẫn của gia đình chị Th và anh Ch và cũng rất nhiều lần cho anh Ch cơ hội để sửa chữa những tật xấu của bản thân nhưng anh Ch vẫn không thể thay đổi được. Vì vậy, hiện nay tình cảm yêu thương vợ chồng của chị Th dành cho anh Ch không còn nữa, không thể cố gắng chịu đựng được cuộc sống hôn nhân với anh Ch nữa nên chị Th sống ly thân với anh Ch trong một khoảng thời gian dài, không còn liên lạc và quan tâm tới nhau nữa. Trong quá trình làm việc với Tòa án, anh Ch lại một lần nữa đề nghị chị Th suy nghĩ lại để quay về đoàn tụ nhưng chị Th kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Th và anh Ch đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng gia đình nữa, nên yêu cầu ly hôn của chị Th là chính đáng và có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi ở, điều kiện sống và tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn Ch thì được biết hiện nay chị Th đã thuê nhà ở riêng, không còn chung sống với anh Ch nữa; còn anh

Ch công việc không ổn định, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị Th và anh Ch cũng xảy ra mâu thuẫn một thời gian khá dài.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn Ch trước pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con: Chị Th và anh Ch có 02 con chung là cháu Trần Thị Ánh T, sinh ngày 28/7/1999 và cháu Trần Văn M, sinh ngày 28/02/2008. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi con chưa thành niên là cháu Trần Văn M và không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của chị Th mong muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và tại biên bản lấy ý kiến của cháu Trần Văn M cũng thể hiện nguyện vọng của cháu được sống cùng với mẹ nếu bố mẹ phải ly hôn nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Đối với cháu Trần Thị Ánh T đã đã trưởng thành có thể tự lập được cuộc sống của mình, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị Thu biết về quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

-Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 54, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn Ch trước pháp luật.

- *Về con:* Giao con chung Trần Văn Mạ, sinh ngày 28/02/2008 cho chị Nguyễn Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn anh Trần Văn Ch được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh Ch lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Trần Văn Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết..

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006100 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/7/2019), còn anh Trần Văn Ch có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Gia Lai(01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện (01 bản);
- UBND Phường Đoàn Kết,
- thị xã Ayun Pa (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (02 bản).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep